

**THƯ THÔNG BÁO ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC THÔNG TIN THUỐC
THEO HÌNH THỨC HỘI THẢO GIỚI THIỆU THUỐC**

Kính gửi: Sở Y Tế tỉnh Hà Tĩnh

1. Công ty TNHH SANDOZ Việt Nam xin thông báo thời gian và địa điểm tổ chức hội thảo giới thiệu thuốc:

Địa điểm: Nhà hàng Đại Hương Biển

Địa chỉ: 140 Hàm Nghi, Trần Phú, Hà Tĩnh

Thời gian: 18:00 – 19:30 ngày 12.12.2025

Nội dung:

- Sản phẩm: Zinnat tablets 500mg
- Báo cáo viên: Lê Thị Hạnh
Trình độ chuyên môn: Dược Sĩ
- Chương trình Hội Thảo: Zinnat giải pháp hiệu quả và an toàn cho bệnh nhân viêm họng
- Thành phần tham dự: 19 Bác sĩ, Dược sĩ khoa khám bệnh và khoa dược Bệnh viện TTH Hà Tĩnh

2. Cam kết của cơ sở:

Cơ sở đã nghiên cứu và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định có liên quan trong lĩnh vực dược.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Sandoz Việt Nam



Nguyễn Thuận Trị

Giám đốc Ngành hàng thiết yếu

Thông tin kê toa Zinnat

Ngày 12, tháng 12, năm 2025

Nhà hàng Đại Hương Biển

Số 140 đường Hàm Nghi, TP. Huế, tỉnh Hà Tĩnh



	Subject	Presenter
18:00	Zinnat: Giải pháp hiệu quả và an toàn cho bệnh nhân viêm họng Code bài trình bày: VN1064186	Dược sĩ. Lê Thị Hạnh
18:30	Thảo luận	Dược sĩ. Lê Thị Hạnh
19:05	Ăn tối	
19:30	Kết thúc	

Business or Operating Unit/
Franchise or Department
Address Line 1
Address Line 2
Country
Telephone + 000 000 0000

SANDOZ

LÝ LỊCH KHOA HỌC



1/ Thông tin cá nhân

Họ và Tên: Lê Thị Hạnh

Ngày sinh: 27/01/1997

Nơi sinh: TT Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ: nhà 8 ngõ 5 đường Võ Thị Sáu, Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Email: lethihanhht2015@gmail.com

Điện thoại: 0352572487

2/ Trình độ học vấn

2020: Tốt nghiệp trường Đại học Y Dược Huế

3/ Kinh nghiệm làm việc

12/2020- 5/2022: Làm việc tại công ty Servier VN

5/2022- 10/2023: Làm việc tại công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang

11/2023-nay: Làm việc tại công ty TNHH Sandoz Việt Nam

NHÂN VIÊN

Lê Thị Hạnh



Tài liệu thông tin thuốc


Zinnat®

Giải pháp hiệu quả và an toàn cho bệnh nhân viêm họng

Người trình bày: Dược sĩ Lê Thị Hạnh

Thời gian: 18:00 – 19:30 ngày 12.12.2025

Địa điểm: Nhà hàng Đại Hương Biển, Trần Phú, Hà Tĩnh

1

SANDOZ
VN1055063

1

Tài liệu thông tin thuốc

ZINNAT® được chỉ định để điều trị các bệnh nhiễm trùng sau đây ở người lớn và trẻ em từ 3 tháng tuổi¹



Viêm amidan và viêm họng cấp tính do vi khuẩn



Viêm bàng quang



Viêm xoang cấp tính do vi khuẩn



Viêm bể thận



Viêm tai giữa cấp tính



Nhiễm trùng da và mô mềm không biến chứng



**Viêm phổi, viêm phế quản cấp
Đợt cấp viêm phế quản mãn tính**



Điều trị bệnh Lyme giai đoạn đầu

2

1. Zinnat. Phụ lục II - Kết luận khoa học và cơ sở thay đổi điều khoản của Giấy phép Tiếp thị. Có tại: https://ec.europa.eu/health/documents/community-register/2012/20120823123631/annex_123631_en.pdf. Truy cập tháng 4 năm 2022.

SANDOZ
VN1055063

2

Tài liệu thông tin thuốc

ZINNAT® cephalexin thế hệ thứ hai được khuyến cáo dùng tại trong điều trị nhiễm khuẩn tại mũi họng

Zinnat®



Viêm amidan và viêm họng cấp tính do vi khuẩn

SAHP 2004

Được khuyến cáo



MOH 2010

Được khuyến cáo
Bộ Y Tế Singapore



Viêm xoang cấp tính do vi khuẩn

AAP 2013

2nd line



Được khuyến cáo

Bộ Y Tế Việt Nam 2015



Viêm tai giữa cấp tính

AAP 2013

2nd line



Được khuyến cáo

Bộ Y Tế Việt Nam 2015



SAHP (The Sinus and Allergy Health Partnership): Hiệp hội sức khỏe xoang và dị ứng
AAP: Hiệp Hội Nhi khoa Hoa Kỳ.
MOH: Bộ Y Tế

SANDOZ
VN1055063

5

Tài liệu thông tin thuốc

ZINNAT® dành cho nhiễm khuẩn hô hấp trên khi cần nhắc cephalosporin

Zinnat®

ZINNAT® có phổ diệt khuẩn bao phủ, chống lại các tác nhân gây bệnh URTI chính bao gồm *S. pyogenes*¹

S. Pyogenes cho thấy tính nhạy cảm với cefuroxim cao hơn so với ²: Macrolide; cefaclor và cefixime

ZINNAT® đạt được khả năng thâm nhập đầy đủ vào mô xoang, mô amidan bị nhiễm trùng và viêm tai giữa ứ dịch^{1,3}

* Các kiểu nhạy cảm có thể thay đổi theo thời gian và địa lý. Luôn luôn tham khảo dữ liệu về tính nhạy cảm tại địa phương trước khi kê toa.

¹ Dựa trên một cuộc khảo sát về tình trạng kháng thuốc kháng sinh của Châu Âu (được thực hiện ở Ý, Tây Ban Nha và Áo) để theo dõi hoạt tính của các thuốc kháng sinh dạng uống được sử dụng rộng rãi (amoxicillin, co-amoxiclav, penicillin, cefaclor, cefadroxil, cefalexin, cefprozil, cefuroxim, cefixime, ceftibuten, cefpodoxime, clarithromycin và azithromycin) chống lại các tác nhân gây bệnh đường hô hấp thông thường. MIC được xác định bằng kỹ thuật vi pha loãng trong nước đúng, phù hợp với tiêu chí NCCLS.²

1. Tóm tắt Đặc tính Sản phẩm Zinnat.

2. Schito GC, Georgopoulos A, Prieto J. Hoạt tính kháng khuẩn của kháng sinh dạng uống chống lại các tác nhân gây bệnh đường hô hấp mắc phải từ cộng đồng ở ba nước Châu Âu. *J Antimicrob Chemother.* 2002;50 Suppl:7-11.

3. Thoroddsen E, Marr C, Efthymiopoulos C, Thorarinsson H. Năng độ cefuroxim trong tràn dịch tai giữa của trẻ bị viêm tai giữa cấp tính. *Pediatr Infect Dis J.* 1997;16(10):959-962.

SANDOZ
VN1055063

6

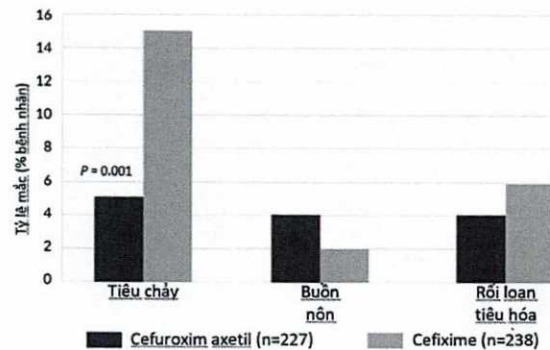
Tài liệu thông tin thuốc

ZINNAT® có hồ sơ an toàn thuận lợi ở người lớn và trẻ em

 **Zinnat®**

Hồ sơ về khả năng dung nạp của cefuroxim axetil⁴

Tỷ lệ mắc biến cố bất lợi thường gặp nhất ở bệnh nhân người lớn và thanh thiếu niên bị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp khác nhau⁴.



Là một tiền chất của cefuroxim, ZINNAT® chỉ hoạt động sau khi được hấp thụ từ đường tiêu hóa, giúp giảm thiểu tác động lên hệ vi sinh đường ruột^{1,3}

1. Tóm tắt Đặc tính Sản phẩm Zinnat.

3. Woron J. Miejsce cefuroksymu w leczeniu infekcji bakteryjnych. Medycyna Faktów 2016;Vol 9/nr 3(32):255-258.

4. Scott LJ, Ormrod D, Goa KL và cộng sự. Cefuroxim Axetil: Đánh giá cập nhật về cách sử dụng trong kiểm soát các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn. Drugs. 2001;61(10):1455-1500.

SANDOZ
VN1055063

9

Tài liệu thông tin thuốc

Không phải tất cả các viên nén cefuroxime axetil đều giống nhau²
 **Zinnat®**


ZINNAT® là biệt dược gốc Cefuroxim đáng tin cậy với hơn 35 năm kinh nghiệm lâm sàng^{1,2}

- Viên nén Zinnat® (dragees) được bao phủ bởi một lớp màng bao cải tiến hòa tan nhanh²:
 - Dùng để che đi vị đắng của cefuroxim axetil khi uống
 - Ngăn chặn keo hóa trong đường tiêu hóa để đạt được khả năng hấp thụ tối ưu cho bệnh nhân
 - Cải thiện sinh khả dụng*
- Zinnat® cho thấy thời gian bán thải dài hơn so với cefuroxim gốc³
 - Thời gian tiếp xúc kháng sinh rất quan trọng đối với hiệu quả của cefuroxim, vì Zinnat là kháng sinh phụ thuộc vào thời gian³

1. Zinnat. Phụ lục II - Kết luận Khoa học và Cơ sở Thay đổi Điều khoản của Giấy phép Tiếp thị. Có tại: https://ec.europa.eu/health/documents/communityregister/2012/20120823123631/ann_123631_en.pdf. Truy cập tháng 4 năm 2022.

2. Anwar J, Deutsch DS. Cefuroxim Axetil Dragee. EP0223365A2. Đơn vị được chỉ định: Glaxo Group Ltd. 1991. Có tại: <https://patents.google.com/patent/EP0223365A2/en>. Truy cập tháng 6 năm 2022.

3. Maramba-Lazarte CC, Valencia, C. Sinh khả dụng tương đối của viên nang 500mg cefuroxim gốc so với viên nén 500 mg thương hiệu cải tiến. Philippine Journal of Internal Medicine. 2010;48:44-47.

SANDOZ
VN1055063

10

Tài liệu thông tin thuốc



Zinnat®
Thông tin kê toa

13

SANDOZ
VN1055063

13

Tài liệu thông tin thuốc

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN



CHỈ ĐỊNH (1/2)

ZINNAT là tiền chất dạng uống của cefuroxim, kháng sinh diệt khuẩn nhóm cephalosporin, bền vững với hầu hết beta-lactamase và có hoạt phổ rộng đối với vi khuẩn Gram dương và Gram âm.

Thuốc được chỉ định để điều trị những nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm gây ra. Tính nhạy cảm của vi khuẩn đối với ZINNAT sẽ thay đổi theo địa lý và thời gian và nên tham khảo dữ liệu về tính nhạy cảm của vi khuẩn ở địa phương nếu có (xem phần *Các đặc điểm dược học, Đặc tính dược lực học*). Chỉ định gồm:

- Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên, ví dụ nhiễm khuẩn tai mũi họng như viêm tai giữa, viêm xoang, viêm amidan và viêm họng.
- Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới như viêm phổi, viêm phế quản cấp và những đợt kịch phát cấp của viêm phế quản mạn.
- Nhiễm khuẩn niệu - sinh dục như viêm thận-bể thận, viêm bàng quang và viêm niệu đạo.
- Nhiễm khuẩn da và mô mềm như nhọt, bệnh mủ da và chốc lở.

14

SANDOZ
VN1055063

14

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG (2/5)****Điều trị tiếp nối:****Viêm phổi:**

1,5 g ZINACEF x 3 hoặc x 2 lần/ngày (tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp) trong 48 đến 72 giờ, tiếp theo dùng ZINNAT (cefuroxim axetil) đường uống 500 mg x 2 lần/ngày trong 7 đến 10 ngày.

Những đợt kịch phát cấp của viêm phế quản mạn:

750 mg ZINACEF x 3 hoặc x 2 lần/ngày (tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp) trong 48 đến 72 giờ, tiếp theo dùng ZINNAT (cefuroxim axetil) đường uống 500 mg x 2 lần/ngày trong 5 đến 10 ngày.

Thời gian điều trị cả đường tiêm truyền và đường uống được xác định bởi mức độ nặng của nhiễm khuẩn và tình trạng lâm sàng của bệnh nhân.

17

SANDOZ
VN1055063

17

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG (3/5)****Trẻ em từ 3 tháng đến 12 tuổi (<40 kg):**

Hầu hết các nhiễm khuẩn	10 mg/kg 2 lần/ngày, tối đa là 125 mg (1 viên 125 mg) x 2 lần/ngày.
Trẻ em bị viêm tai giữa hoặc khi bị những bệnh nhiễm khuẩn nặng hơn	15 mg/kg 2 lần/ngày, tối đa là 250 mg (1 viên 250 mg hoặc 2 viên 125 mg) x 2 lần/ngày.
Bệnh Lyme ở trẻ em dưới 12 tuổi	15 mg/kg 2 lần/ngày, tối đa là 250 mg (1 viên 250 mg hoặc viên 125 mg) x 2 lần/ngày trong 14 ngày (phạm vi từ 10 tới 21 ngày)
Viêm thận-bể thận	15 mg/kg 2 lần/ngày, tối đa là 250 mg x 2 lần/ngày trong 10-14 ngày

Không nên nghiền nát hoặc làm vỡ viên nén ZINNAT và do đó không thích hợp để điều trị những bệnh nhân như trẻ còn nhỏ, những người không thể nuốt được toàn bộ viên thuốc. Không có kinh nghiệm dùng ZINNAT cho trẻ dưới 3 tháng tuổi.

18

SANDOZ
VN1055063

18

Tài liệu thông tin thuốc

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Quá mẫn với cefuroxim hoặc với bất kỳ thành phần tá dược nào của thuốc.

Bệnh nhân quá mẫn với các kháng sinh nhóm cephalosporin.

Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn (như sốc phản vệ) với kháng sinh nhóm betalactam (các penicillin, monobactam hay carbapenem).

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG (1/3)Phản ứng quá mẫn

Cần thận trọng đặc biệt đối với những bệnh nhân có tiền sử phản ứng dị ứng với các penicillin hoặc các beta-lactam khác vì có nguy cơ mẫn cảm chéo. Cũng như các kháng sinh nhóm beta - lactam khác, đã có báo cáo về những phản ứng quá mẫn nghiêm trọng và đôi khi gây tử vong. Trong trường hợp xảy ra phản ứng quá mẫn nghiêm trọng, phải ngừng điều trị bằng cefuroxim ngay lập tức và tiến hành những biện pháp cấp cứu phù hợp.

Trước khi bắt đầu điều trị, cần xác định xem bệnh nhân có hay không tiền sử gặp phản ứng quá mẫn nghiêm trọng với cefuroxim, các cephalosporin khác hay bất kỳ kháng sinh nhóm beta-lactam khác. Thận trọng khi chỉ định cefuroxim cho bệnh nhân có tiền sử quá mẫn không nghiêm trọng với các kháng sinh nhóm beta - lactam khác.

21

SANDOZ
VN1055063

21

Tài liệu thông tin thuốc

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN

**CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG (2/3)**Phản ứng Jarisch-Herxheimer

Phản ứng Jarisch-Herxheimer đã quan sát sau khi điều trị bệnh Lyme bằng ZINNAT. Phản ứng này là kết quả trực tiếp từ hoạt tính kháng khuẩn của ZINNAT trên vi sinh vật gây ra bệnh Lyme, xoắn khuẩn *Borrelia burgdorferi*. Bệnh nhân nên được biết đây là phản ứng phổ biến và việc điều trị bằng kháng sinh trong bệnh Lyme thường tự khỏi.

Phát triển quá mức các vi sinh vật không nhạy cảm

Cũng như những kháng sinh khác, dùng ZINNAT có thể gây phát triển quá mức nấm *Candida*. Sử dụng kéo dài có thể gây phát triển quá mức những vi khuẩn không nhạy cảm khác (ví dụ *Enterococci* và *Clostridium difficile*), khi đó có thể cần ngừng điều trị.

Viêm đại tràng giả mạc liên quan đến kháng sinh đã được báo cáo với hầu hết các kháng sinh, bao gồm cefuroxim và mức độ nghiêm trọng từ nhẹ đến đe dọa tính mạng. Nên cân nhắc đến chẩn đoán này ở những bệnh nhân bị tiêu chảy trong hoặc sau khi dùng cefuroxim. Ngừng điều trị bằng cefuroxim và cân nhắc dùng biện pháp điều trị đặc hiệu đối với *Clostridium difficile*. Không nên sử dụng các thuốc ức chế nhu động ruột.

22

SANDOZ
VN1055063

22

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN**PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

Không có bằng chứng thực nghiệm về tác dụng bệnh lý phôi hoặc sinh quái thai do ZINNAT gây ra nhưng, cũng như những thuốc khác, nên thận trọng khi sử dụng trong những tháng đầu của thai kỳ. Cefuroxim được tiết vào sữa mẹ, do đó cần thận trọng khi dùng ZINNAT cho những người mẹ đang cho con bú.

ẢNH HƯỞNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Vì thuốc có thể gây chóng mặt nên cảnh báo bệnh nhân thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN**TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (1/2)**

Những tác dụng không mong muốn do ZINNAT nói chung có tính chất nhẹ và thoáng qua. Các phân loại tần suất tác dụng không mong muốn dưới đây là ước tính, do không có sẵn số liệu phù hợp (ví dụ như từ những nghiên cứu có đối chứng với giả dược) để tính tỷ lệ đối với phần lớn tác dụng không mong muốn. Hơn nữa, tỷ lệ tác dụng không mong muốn liên quan đến ZINNAT có thể khác nhau tùy thuộc chỉ định.

Dữ liệu từ các thử nghiệm lâm sàng lớn được dùng để xác định tần suất của tác dụng không mong muốn từ rất phổ biến đến hiếm. Các tần suất áp dụng cho tất cả các tác dụng không mong muốn khác (nghĩa là tác dụng không mong muốn xảy ra dưới 1/1.000) được xác định chủ yếu từ các dữ liệu hậu mãi và nhằm nói đến tỷ lệ được báo cáo hơn là tần suất thực sự. Chưa có sẵn dữ liệu nghiên cứu có đối chứng với giả dược. Khi các tần suất được tính toán từ dữ liệu nghiên cứu lâm sàng, chúng dựa trên dữ liệu liên quan đến thuốc (nghiên cứu viên đánh giá).

Tài liệu thông tin thuốc

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN



TÍNH NHẠY CẢM IN VITRO CỦA CÁC VI KHUẨN VỚI CEFUROXIM: Dấu (*) biểu thị hiệu quả lâm sàng của cefuroxim axetil đã được chứng minh trong các thử nghiệm lâm sàng.

Những vi khuẩn thường nhạy cảm**Gram dương hiếu khí:**

Staphylococcus aureus (nhạy cảm với methicillin)*
 Tu cầu không có men coagulase (nhạy cảm với methicillin)
*Streptococcus pyogenes**
 Liên cầu beta tan máu

Gram âm hiếu khí:

*Haemophilus influenzae** bao gồm các chủng kháng ampicillin
*Haemophilus parainfluenzae**, *Moraxella catarrhalis**,
*Neisseria gonorrhoea** bao gồm các chủng sinh và không sinh men penicilinase

Gram dương kỵ khí:

Peptostreptococcus spp.
Propionibacterium spp.

Xoắn khuẩn:

*Borrelia burgdorferi**

Những vi khuẩn có thể gặp vấn đề về sự kháng thuốc mắc phải**Gram dương hiếu khí:**

*Streptococcus pneumoniae**

Gram âm hiếu khí:

Citrobacter spp. Không bao gồm *C. freundii*, *Enterobacter* spp. Không bao gồm *E. aerogenes* và *E. cloacae*, *Escherichia coli**, *Klebsiella* spp. Bao gồm *Klebsiella pneumoniae**, *Proteus mirabilis*, *Proteus* spp. Không bao gồm *P. penneri* và *P. vulgaris*, *Providencia* spp.

Gram dương kỵ khí:

Clostridium spp. Không bao gồm *C. difficile*

Gram âm kỵ khí:

Bacteroides spp. Không bao gồm *B. fragilis*
Fusobacterium spp.

Những vi khuẩn vốn đã kháng thuốc**Gram dương hiếu khí:**

Enterococcus spp. Bao gồm *E. faecalis* và *E. faecium*
Listeria monocytogenes

Gram âm hiếu khí:

Acinetobacter spp., *Burkholderia cepacia*, *Campylobacter* spp., *Citrobacter freundii*, *Enterobacter aerogenes*, *Enterobacter cloacae*,
Morganella morganii, *Proteus penneri*, *Proteus vulgaris*, *Pseudomonas* spp. Bao gồm *Pseudomonas aeruginosa*, *Serratia* spp., *Stenotrophomonas maltophilia*

Gram dương kỵ khí:

Clostridium difficile

Gram âm kỵ khí:

Bacteroides fragilis

Khác:

Các loài *Chlamydia*
 Các loài *Mycoplasma*
 Các loài *Legionella*

29

SANDOZ
VN1055063

29

Tài liệu thông tin thuốc

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN

**ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC (1/4)****Hấp thu**

Sau khi uống, cefuroxim axetil được hấp thu chậm từ đường tiêu hóa và bị thủy phân nhanh trong niêm mạc ruột và trong máu để giải phóng cefuroxim vào vòng tuần hoàn.

Hấp thu tối ưu xảy ra khi thuốc được uống ngay sau khi ăn.

Sau khi uống viên nén cefuroxim axetil nồng độ đỉnh trong huyết thanh (2,1 mg/l đối với liều 125 mg, 4,1 mg/l đối với liều 250 mg, 7,0 mg/l đối với liều 500 mg và 13,6 mg/l đối với liều 1 g) xuất hiện khoảng 2 đến 3 giờ sau khi thuốc được uống sau bữa ăn. Tỷ lệ hấp thu của cefuroxim từ dạng hỗn dịch giảm so với dạng viên nén, dẫn đến nồng độ đỉnh trong huyết tương thấp hơn, chậm hơn và sinh khả dụng toàn thân giảm (ít hơn 4 đến 17%). Hỗn dịch uống cefuroxim axetil không tương đương sinh học với viên nén cefuroxim axetil khi thử nghiệm trên người trưởng thành khỏe mạnh và do đó không thể thay thế dựa trên mg/mg (xem phần *Liều lượng và cách dùng*). Dược động học của cefuroxim là tuyến tính trên khoảng liều uống từ 125 mg đến 1000 mg. Không có sự tích lũy cefuroxim sau khi lặp lại các liều uống từ 250 mg đến 500 mg.

30

SANDOZ
VN1055063

30

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN

**ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC (4/4)**

Suy thận: Tính an toàn và hiệu quả của cefuroxim axetil ở những bệnh nhân suy thận chưa được thiết lập. Cefuroxim được thải trừ chủ yếu qua thận. Do vậy, cũng như các kháng sinh khác, ở những bệnh nhân bị suy giảm chức năng thận đáng kể (ví dụ $Cl_{cr} < 30$ ml/phút), khuyến cáo nên giảm liều dùng của cefuroxim để bù vào phần thuốc được thải trừ chậm hơn (xem phần *Liều lượng và cách dùng*). Cefuroxim được loại bỏ hiệu quả bằng cách thẩm tách máu.

Suy gan:

Không có dữ liệu sẵn có ở những bệnh nhân suy gan. Vì cefuroxim thải trừ chủ yếu qua thận, nên sự hiện diện của rối loạn chức năng gan được cho là không có ảnh hưởng về mặt dược động học của cefuroxim.

Mối tương quan giữa dược động học, dược lực học

Đối với các cephalosporin, chỉ số dược động học - dược lực học quan trọng nhất tương quan với hiệu quả *in vivo* đã chứng minh tỷ lệ phần trăm khoảng liều (%T) mà nồng độ không liên kết vẫn trên nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của cefuroxim đối với từng loài mục tiêu (ví dụ %T > MIC).

33

SANDOZ
VN1055063

33

THÔNG TIN KÊ TOA ZINNAT® VIÊN

**Dữ liệu an toàn tiền lâm sàng**

Các nghiên cứu về độc tính trên động vật chỉ ra rằng cefuroxim axetil có độc tính thấp, không có phát hiện nào đáng kể.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp có 1 vỉ, mỗi vỉ có chứa 10 viên.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN

Bảo quản dưới 30°C

SẢN XUẤT BỞI

GLAXO OPERATIONS UK LIMITED, Harmire Road, Barnard Castle, County Durham, DL12 8DT, Anh Quốc

34

SANDOZ
VN1055063

34